

Phụ lục
DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH HỌC LIỆU – MÔN MĨ THUẬT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDDT ngày tháng năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
MĨ THUẬT 1			
Mĩ thuật tạo hình	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Biết được mĩ thuật có ở xung quanh	160101.0101a1
		Biết được một số đồ dùng, màu vẽ và vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo	160101.0101b1
		Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc	160101.0101c6
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Biết được mĩ thuật có ở xung quanh	160101.0102a1
		Biết được một số đồ dùng, màu vẽ và vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo	160101.0102b1
		Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc	160101.0102c6
	Lí luận và lịch sử mĩ thuật		160101.0103a
	Hội hoạ		160101.0104a
	Đồ hoạ (tranh in)		160101.0105a
	Điêu khắc		160101.0106a
	Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 2D	Đọc được tên một số màu trong thực hành, sáng tạo.	160101.0107a1
		Tạo được chấm bằng nhiều cách khác nhau, biết sử dụng chấm trong tạo hình và trang trí sản phẩm.	160101.0107b6
		Tạo được một số loại nét khác nhau, biết sử dụng nét để mô phỏng đối tượng.	160101.0107c6

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Tạo được hình, khối dạng cơ bản.	160101.0107d6
		Sử dụng được vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo.	160101.0107e3
		Sắp xếp được sản phẩm của cá nhân tạo thành sản phẩm nhóm học tập.	160101.0107f3
		Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, đất nặn, giấy màu,... trong thực hành, sáng tạo.	160101.0107g3
	Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D	Đọc được tên một số màu trong thực hành, sáng tạo.	160101.0108a1
		Tạo được chấm bằng nhiều cách khác nhau, biết sử dụng chấm trong tạo hình và trang trí sản phẩm.	160101.0108b6
		Tạo được một số loại nét khác nhau, biết sử dụng nét để mô phỏng đối tượng.	160101.0108c6
		Tạo được hình, khối dạng cơ bản.	160101.0108d6
		Sử dụng được vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo.	160101.0108e3
		Sắp xếp được sản phẩm của cá nhân tạo thành sản phẩm nhóm học tập.	160101.0108f3
		Biết cách sử dụng, bảo quản một số vật liệu, chất liệu thông dụng như màu vẽ, đất nặn, giấy màu,... trong thực hành, sáng tạo.	160101.0108g3
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.	Trung bày và nêu được tên sản phẩm, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân, của bạn bè.	160101.0109a3
		Nêu được tên một số màu; bước đầu mô tả, chia sẻ được cảm nhận về hình ảnh chính ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật	160101.0109b1
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Trung bày và nêu được tên sản phẩm, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của cá nhân, của bạn bè.	160101.011a3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Nêu được tên một số màu; bước đầu mô tả, chia sẻ được cảm nhận về hình ảnh chính ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật	160101.011b1
Mĩ thuật ứng dụng	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo.	160101.0201a1
		Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu ở sản phẩm thủ công.	160101.0201b6
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo.	160101.0202a1
		Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu ở sản phẩm thủ công.	160101.0202b6
	Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên.		160101.0203a
	Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo.		160101.0204a
	Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng.		160101.0205a
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D	Biết cách sử dụng công cụ phù hợp với vật liệu và an toàn trong thực hành, sáng tạo.	160101.0206a3
		Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm.	160101.0206b3
		Vận dụng được nét để tạo nên sản phẩm.	160101.0206c6
		Tạo được sản phẩm từ vật liệu dạng hình, khối.	160101.0206d6
		Sử dụng được chấm, nét, màu sắc khác nhau để trang trí sản phẩm.	160101.0206e3
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D.	Biết cách sử dụng công cụ phù hợp với vật liệu và an toàn trong thực hành, sáng tạo.	160101.0207a3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm.	160101.0207b3
		Vận dụng được nét để tạo nên sản phẩm.	160101.0207c6
		Tạo được sản phẩm từ vật liệu dạng hình, khối.	160101.0207d6
		Sử dụng được chấm, nét, màu sắc khác nhau để trang trí sản phẩm.	160101.0207e3
	Sản phẩm thủ công.	Trung bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm.	160101.0208a3
		Biết chia sẻ ý định sử dụng sản phẩm và bảo quản một số đồ dùng học tập.	160101.0208b3
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Trung bày, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm.	160101.0209a3
		Biết chia sẻ ý định sử dụng sản phẩm và bảo quản một số đồ dùng học tập.	160101.0209b3
MĨ THUẬT 2			
Mĩ thuật tạo hình	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Nhận biết và đọc được tên các màu cơ bản.	160102.0101a1
		Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt.	160102.0101b6
		Biết xác định nội dung chủ đề và lựa chọn công cụ, vật liệu để thực hành.	160102.0101c2
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Nhận biết và đọc được tên các màu cơ bản.	160102.0102a1
		Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt.	160102.0102b6
		Biết xác định nội dung chủ đề và lựa chọn công cụ, vật liệu để thực hành.	160102.0102c2
	Lí luận và lịch sử mĩ thuật		160102.0103a
	Hội hoạ		160102.0104a

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Đồ hoạ (tranh in)		160102.0105a
	Điêu khắc		160102.0106a
	Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.	Sử dụng được công cụ phù hợp với vật liệu sẵn có trong thực hành, sáng tạo.	160102.0107a3
		Tạo được nét bằng các hình thức khác nhau, sử dụng nét mô phỏng đối tượng và trang trí sản phẩm.	160102.0107b6
		Sử dụng được các màu cơ bản; màu đậm, màu nhạt trong thực hành, sáng tạo.	160102.0107c3
		Tạo được sản phẩm có dạng hình, khối cơ bản.	160102.0107d6
		Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo.	160102.0107e3
		Thể hiện được sự hiểu biết ban đầu về bản in trong thực hành, sáng tạo.	160102.0107f3
		Biết giữ vệ sinh trường, lớp, đồ dùng học tập,... trong thực hành, sáng tạo.	160102.0107g1
	Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.	Sử dụng được công cụ phù hợp với vật liệu sẵn có trong thực hành, sáng tạo.	160102.0108a3
		Tạo được nét bằng các hình thức khác nhau, sử dụng nét mô phỏng đối tượng và trang trí sản phẩm.	160102.0108b6
		Sử dụng được các màu cơ bản; màu đậm, màu nhạt trong thực hành, sáng tạo.	160102.0108c3
		Tạo được sản phẩm có dạng hình, khối cơ bản.	160102.0108d6

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo.	160102.0108e3
		Thể hiện được sự hiểu biết ban đầu về bản in trong thực hành, sáng tạo.	160102.0108f3
		Biết giữ vệ sinh trường, lớp, đồ dùng học tập,... trong thực hành, sáng tạo.	160102.0108g1
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.	Trung bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm.	160102.0109a3
		Nhận ra được cùng một chủ đề có thể sử dụng chất liệu hoặc hình thức tạo hình khác nhau	160102.0109b2
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Trung bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm.	160102.011a3
		Nhận ra được cùng một chủ đề có thể sử dụng chất liệu hoặc hình thức tạo hình khác nhau	160102.011b2
Mĩ thuật ứng dụng	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian..	Nhận biết được đặc điểm của một số sản phẩm thủ công.	160102.0201a1
		Lựa chọn được đối tượng làm hình mẫu để thực hành sáng tạo	160102.0201b6
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Nhận biết được đặc điểm của một số sản phẩm thủ công.	160102.0202a1
		Lựa chọn được đối tượng làm hình mẫu để thực hành sáng tạo	160102.0202b6
	Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên.		
			160102.0203a

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo.		160102.0204a
	Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng.		160102.0205a
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D	Biết kết hợp vẽ, cắt, xé dán,... trong thực hành, sáng tạo.	160102.0206a3
		Tạo được sản phẩm có sự lặp lại của hình, khối dạng cơ bản.	160102.0206b6
		Thể hiện được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm.	160102.0206c3
		Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo.	160102.0206d3
		Biết cách bảo quản sản phẩm và công cụ thực hành.	160102.0206e3
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D.	Biết kết hợp vẽ, cắt, xé dán,... trong thực hành, sáng tạo.	160102.0207a3
		Tạo được sản phẩm có sự lặp lại của hình, khối dạng cơ bản.	160102.0207b6
		Thể hiện được màu đậm, màu nhạt ở sản phẩm.	160102.0207c3
		Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo.	160102.0207d3
		Biết cách bảo quản sản phẩm và công cụ thực hành.	160102.0207e3
	Sản phẩm thủ công.	Biết trưng bày sản phẩm ở trong hoặc ngoài lớp học.	160102.0208a3
		Trả lời được các câu hỏi: Sản phẩm dùng để làm gì? Dùng như thế nào?	160102.0208b2
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Biết trưng bày sản phẩm ở trong hoặc ngoài lớp học.	160102.0209a3
		Trả lời được các câu hỏi: Sản phẩm dùng để làm gì? Dùng như thế nào?	160102.0209b2

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
MĨ THUẬT 3			
Mĩ thuật tạo hình	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt.	160103.0101a6
		Biết phân biệt màu cơ bản và màu thứ cấp.	160103.0101b2
		Biết liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh trong thực tiễn.	160103.0101c2
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt.	160103.0102a6
		Biết phân biệt màu cơ bản và màu thứ cấp.	160103.0102b2
		Biết liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh trong thực tiễn.	160103.0102c2
	Lí luận và lịch sử mĩ thuật		160103.0103a
	Hội hoạ		160103.0104a
	Đồ hoạ (tranh in)		160103.0105a
	Điêu khắc		160103.0106a
	Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 2D.	Tạo được màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó trong thực hành, sáng tạo.	160103.0107a6
		Vận dụng được đậm, nhạt của chấm, nét để trang trí sản phẩm.	160103.0107b3
		Biết vận dụng sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản để mô phỏng đối tượng.	160103.0107c3
		Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm, như: mịn, mềm, thô ráp,...	160103.0107d6
		Tạo được sự biểu đạt hình động cho sản phẩm.	160103.0107e6

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm.	160103.0107f3
		Phân biệt được vẽ, in và nặn trong thực hành, sáng tạo.	160103.0107g2
	Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.	Tạo được màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó trong thực hành, sáng tạo.	160103.0108a6
		Vận dụng được đậm, nhạt của chấm, nét để trang trí sản phẩm.	160103.0108b3
		Biết vận dụng sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản để mô phỏng đối tượng.	160103.0108c3
		Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm, như: mịn, mềm, thô ráp,...	160103.0108d6
		Tạo được sự biểu đạt hình động cho sản phẩm.	160103.0108e6
		Thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm.	160103.0108f3
		Phân biệt được vẽ, in và nặn trong thực hành, sáng tạo.	160103.0108g2
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.	Trung bày, trao đổi, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm và ý tưởng vận dụng.	160103.0109a4
		Biết mô tả, chia sẻ cảm nhận về tác phẩm mỹ thuật ở mức độ đơn giản.	160103.0109b2
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Trung bày, trao đổi, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm và ý tưởng vận dụng.	160103.011a4
		Biết mô tả, chia sẻ cảm nhận về tác phẩm mỹ thuật ở mức độ đơn giản.	160103.011b2
Mỹ thuật ứng dụng		Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo.	160103.0201a1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu ở sản phẩm thủ công.	160103.0201b6
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Nêu được tên một số công cụ, vật liệu để thực hành, sáng tạo.	160103.0202a1
		Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu ở sản phẩm thủ công.	160103.0202b6
	Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên.		160103.0203a
	Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo.		160103.0204a
	Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng.		160103.0205a
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D	Biết cách sử dụng công cụ phù hợp với vật liệu và an toàn trong thực hành, sáng tạo.	160103.0206a3
		Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm.	160103.0206b3
		Vận dụng được nét để tạo nên sản phẩm.	160103.0206c6
		Tạo được sản phẩm từ vật liệu dạng hình, khối.	160103.0206d6
		Sử dụng được chấm, nét, màu sắc khác nhau để trang trí sản phẩm.	160103.0206e3
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D.	Biết cách sử dụng công cụ phù hợp với vật liệu và an toàn trong thực hành, sáng tạo.	160103.0207a3
		Thực hiện được các bước trong thực hành tạo ra sản phẩm.	160103.0207b3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Vận dụng được nét để tạo nên sản phẩm.	160103.0207c6
		Tạo được sản phẩm từ vật liệu dạng hình, khối.	160103.0207d6
		Sử dụng được chấm, nét, màu sắc khác nhau để trang trí sản phẩm.	160103.0207e3
	Sản phẩm thủ công.	Trung bày, giới thiệu được sản phẩm, chia sẻ mục đích sử dụng.	160103.0208a3
		Biết phân biệt vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo ở sản phẩm thủ công.	160103.0208b2
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Trung bày, giới thiệu được sản phẩm, chia sẻ mục đích sử dụng.	160103.0209a3
		Biết phân biệt vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo ở sản phẩm thủ công.	160103.0209b2
	MĨ THUẬT 4		
Mĩ thuật tạo hình	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	160104.0101a6
		Nhận biết được màu nóng, màu lạnh; không gian xa, gần.	160104.0101b1
		Xác định được nội dung chủ đề và hình thức thực hành, sáng tạo.	160104.0101c2
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	160104.0102a6
		Nhận biết được màu nóng, màu lạnh; không gian xa, gần.	160104.0102b1
		Xác định được nội dung chủ đề và hình thức thực hành, sáng tạo.	160104.0102c2
	Lí luận và lịch sử mĩ thuật		160104.0103a
	Hội hoạ		160104.0104a
	Đồ hoạ (tranh in)		160104.0105a

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Điều khắc		160104.0106a
	Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.	Phối hợp được một số kỹ năng: cắt, xé, dán, vẽ, in, ghép, nặn, uốn,... trong thực hành, sáng tạo.	160104.0107a3
		Vận dụng được độ đậm nhạt, nóng lạnh của màu trong thực hành, sáng tạo.	160104.0107b3
		Tạo được mật độ khác nhau của chấm, nét ở sản phẩm.	160104.0107c6
		Vận dụng được sự biến thể của hình, khối cơ bản để mô phỏng đối tượng.	160104.0107d3
		Thể hiện được khoảng cách, vị trí khác nhau cho các yếu tố tạo hình ở sản phẩm.	160104.0107e3
		Tạo được sự khác nhau về cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm.	160104.0107f6
		Thể hiện sự hiểu biết về hài hòa của yếu tố tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	160104.0107g3
	Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.	Phối hợp được một số kỹ năng: cắt, xé, dán, vẽ, in, ghép, nặn, uốn,... trong thực hành, sáng tạo.	160104.0108a3
		Vận dụng được độ đậm nhạt, nóng lạnh của màu trong thực hành, sáng tạo.	160104.0108b3
		Tạo được mật độ khác nhau của chấm, nét ở sản phẩm.	160104.0108c6
		Vận dụng được sự biến thể của hình, khối cơ bản để mô phỏng đối tượng.	160104.0108d3
		Thể hiện được khoảng cách, vị trí khác nhau cho các yếu tố tạo hình ở sản phẩm.	160104.0108e3
		Tạo được sự khác nhau về cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm.	160104.0108f6

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Thể hiện sự hiểu biết về hài hòa của yếu tố tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	160104.0108g3
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.	Vận dụng được ngôn ngữ nói hoặc viết, biểu đạt cơ thể, diễn hoạt hình ảnh động, xây dựng câu chuyện,... để giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	160104.0109a3
		Nhận biết chủ đề của sản phẩm, tác phẩm; bước đầu biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi để tìm hiểu tác giả, tác phẩm mỹ thuật.	160104.0109b1
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Vận dụng được ngôn ngữ nói hoặc viết, biểu đạt cơ thể, diễn hoạt hình ảnh động, xây dựng câu chuyện,... để giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	160104.011a3
		Nhận biết chủ đề của sản phẩm, tác phẩm; bước đầu biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi để tìm hiểu tác giả, tác phẩm mỹ thuật.	160104.011b1
Mĩ thuật ứng dụng	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Nhận biết được cấu trúc tỉ lệ và công dụng của một số sản phẩm thủ công, liên hệ ở địa phương.	160104.0201a1
		Xác định được mục đích, đối tượng sáng tạo cho sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm.	160104.0201b2
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Nhận biết được cấu trúc tỉ lệ và công dụng của một số sản phẩm thủ công, liên hệ ở địa phương.	160104.0202a1
		Xác định được mục đích, đối tượng sáng tạo cho sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm.	160104.0202b2
	Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên.		160104.0203a
	Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo.		160104.0204a

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng.		160104.0205a
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D	Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, dán, xếp, gấp, vẽ,... trong thực hành, sáng tạo.	160104.0206a3
		Tạo được sản phẩm có sự biến thể từ hình, khối cơ bản.	160104.0206b6
		Vận dụng được mật độ, khoảng cách của chấm, của nét để trang trí sản phẩm.	160104.0206c3
		Biết phối hợp vật liệu khác nhau để tạo màu, tạo chất ở sản phẩm.	160104.0206d3
		Bước đầu thể hiện được sự hài hòa về cấu trúc tỉ lệ cho sản phẩm.	160104.0206e3
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D.	Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, dán, xếp, gấp, vẽ,... trong thực hành, sáng tạo.	160104.0207a3
		Tạo được sản phẩm có sự biến thể từ hình, khối cơ bản.	160104.0207b6
		Vận dụng được mật độ, khoảng cách của chấm, của nét để trang trí sản phẩm.	160104.0207c3
		Biết phối hợp vật liệu khác nhau để tạo màu, tạo chất ở sản phẩm.	160104.0207d3
		Bước đầu thể hiện được sự hài hòa về cấu trúc tỉ lệ cho sản phẩm.	160104.0207e3
	Sản phẩm thủ công.	Lựa chọn, xác định được vị trí trưng bày sản phẩm.	160104.0208a3
		Biết giới thiệu quá trình hoặc thao tác thực hành tạo ra sản phẩm, thể hiện học hỏi kinh nghiệm và tôn trọng chia sẻ của bạn bè.	160104.0208b2
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Lựa chọn, xác định được vị trí trưng bày sản phẩm.	160104.0209a3
		Biết giới thiệu quá trình hoặc thao tác thực hành tạo ra sản phẩm, thể hiện học hỏi kinh nghiệm và tôn trọng chia sẻ của bạn bè.	160104.0209b2

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
MĨ THUẬT 5			
Mĩ thuật tạo hình	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Nhận biết được một số yếu tố và dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.	160105.0101a1
		Phân biệt được tranh vẽ, tranh in, tượng và phù điêu.	160105.0101b2
		Nhận biết được yếu tố thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, liên hệ thực tiễn.	160105.0101c1
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Nhận biết được một số yếu tố và dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.	160105.0102a1
		Phân biệt được tranh vẽ, tranh in, tượng và phù điêu.	160105.0102b2
		Nhận biết được yếu tố thẩm mĩ ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật, liên hệ thực tiễn.	160105.0102c1
	Lí luận và lịch sử mĩ thuật		160105.0103a
	Hội hoạ		160105.0104a
	Đồ hoạ (tranh in)		160105.0105a
	Điêu khắc		160105.0106a
	Tạo sản phẩm mĩ thuật 2D.	Lựa chọn, phối hợp được vật liệu khác nhau để thực hành, sáng tạo.	160105.0107a3
		Sử dụng được một số yếu tố tạo hình để mô phỏng đối tượng thẩm mĩ.	160105.0107b6
		Trao đổi, chia sẻ và vận dụng được kinh nghiệm trong thực hành sáng tạo.	160105.0107c4
		Thể hiện được yếu tố chính, phụ ở sản phẩm.	160105.0107d3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Vận dụng được một số nguyên lí tạo hình như: cân bằng, tương phản, lặp lại,... ở mức độ đơn giản trong thực hành, sáng tạo.	160105.0107e3
		Biết làm quen với sử dụng thiết bị công nghệ trong thực hành, sáng tạo hoặc lưu giữ sản phẩm.	160105.0107f6
		Phân biệt được một số hình thức tạo sản phẩm hội họa, đồ họa, điêu khắc trong thực hành, sáng tạo.	160105.0107g2
	Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.	Lựa chọn, phối hợp được vật liệu khác nhau để thực hành, sáng tạo.	160105.0108a3
		Sử dụng được một số yếu tố tạo hình để mô phỏng đối tượng thẩm mĩ.	160105.0108b6
		Trao đổi, chia sẻ và vận dụng được kinh nghiệm trong thực hành sáng tạo.	160105.0108c4
		Thể hiện được yếu tố chính, phụ ở sản phẩm.	160105.0108d3
		Vận dụng được một số nguyên lí tạo hình như: cân bằng, tương phản, lặp lại,... ở mức độ đơn giản trong thực hành, sáng tạo.	160105.0108e3
		Biết làm quen với sử dụng thiết bị công nghệ trong thực hành, sáng tạo hoặc lưu giữ sản phẩm.	160105.0108f6
		Phân biệt được một số hình thức tạo sản phẩm hội họa, đồ họa, điêu khắc trong thực hành, sáng tạo.	160105.0108g2
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.	Vận dụng được ngôn ngữ nói hoặc viết, biểu đạt cơ thể, diễn hoạt hình ảnh động, xây dựng câu chuyện,... để giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	160105.0109a3
		Nhận biết chủ đề của sản phẩm, tác phẩm; bước đầu biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi để tìm hiểu tác giả, tác phẩm mỹ thuật.	160105.0109b1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Vận dụng được ngôn ngữ nói hoặc viết, biểu đạt cơ thể, diễn hoạt hình ảnh động, xây dựng câu chuyện,... để giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	160105.011a3
		Nhận biết chủ đề của sản phẩm, tác phẩm; bước đầu biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi để tìm hiểu tác giả, tác phẩm mỹ thuật.	160105.011b1
Mĩ thuật ứng dụng	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Nhận biết được yếu tố và dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm thủ công.	160105.0201a1
		Phân biệt được vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo, vật liệu sưu tầm, tái sử dụng ở sản phẩm thủ công.	160105.0201b2
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Nhận biết được yếu tố và dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm thủ công.	160105.0202a1
		Phân biệt được vật liệu tự nhiên, vật liệu nhân tạo, vật liệu sưu tầm, tái sử dụng ở sản phẩm thủ công.	160105.0202b2
	Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên.		160105.0203a
	Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo.		160105.0204a
	Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng.		160105.0205a
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D	Xác định được đối tượng thể hiện, mục đích sáng tạo.	160105.0206a2
		Làm được sản phẩm dựa trên đặc điểm của sản phẩm thủ công mỹ nghệ.	160105.0206b6
		Biết sử dụng yếu tố tạo hình làm trọng tâm ở sản phẩm.	160105.0206c6

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Lựa chọn, phối hợp được các vật liệu khác nhau để làm nên sản phẩm.	160105.0206d3
		Biết vận dụng dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình như cân bằng, tương phản hoặc lặp lại, nhịp điệu,... trong thực hành, sáng tạo.	160105.0206e3
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D.	Xác định được đối tượng thể hiện, mục đích sáng tạo.	160105.0207a2
		Làm được sản phẩm dựa trên đặc điểm của sản phẩm thủ công mỹ nghệ.	160105.0207b6
		Biết sử dụng yếu tố tạo hình làm trọng tâm ở sản phẩm.	160105.0207c6
		Lựa chọn, phối hợp được các vật liệu khác nhau để làm nên sản phẩm.	160105.0207d3
		Biết vận dụng dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình như cân bằng, tương phản hoặc lặp lại, nhịp điệu,... trong thực hành, sáng tạo.	160105.0207e3
	Sản phẩm thủ công.	Lựa chọn, thực hiện được hình thức giới thiệu sản phẩm.	160105.0208a3
		Chia sẻ điều học hỏi được trong trưng bày, thảo luận và đánh giá sản phẩm.	160105.0208b2
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Lựa chọn, thực hiện được hình thức giới thiệu sản phẩm.	160105.0209a3
		Chia sẻ điều học hỏi được trong trưng bày, thảo luận và đánh giá sản phẩm.	160105.0209b2
MĨ THUẬT 6			
Mĩ thuật tạo hình	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Xác định được nội dung chủ đề.	160106.0101a2
		Nhận biết đặc điểm cơ bản của thể loại Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc.	160106.0101b1
		Nhận biết được nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản.	160106.0101c6

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Nêu được các bước thực hành, sáng tạo.	160106.0101d1
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Xác định được nội dung chủ đề.	160106.0102a2
		Nhận biết đặc điểm cơ bản của thể loại Hội hoạ, Đồ hoạ, Điêu khắc.	160106.0102b1
		Nhận biết được nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản.	160106.0102c6
		Nêu được các bước thực hành, sáng tạo.	160106.0102d1
	Lí luận và lịch sử mỹ thuật		160106.0103a
	Hội hoạ		160106.0104a
	Đồ hoạ (tranh in)		160106.0105a
	Điêu khắc		160106.0106a
	Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.	Biết vận dụng giá trị thẩm mỹ của di sản văn hoá nghệ thuật vào thực hành sáng tạo.	160106.0107a3
		Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo.	160106.0107b3
		Biết cách sử dụng một số chất liệu trong thực hành, sáng tạo.	160106.0107c3
		Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế cuộc sống.	160106.0107d3
	Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.	Biết vận dụng giá trị thẩm mỹ của di sản văn hoá nghệ thuật vào thực hành sáng tạo.	160106.0108a3
		Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo.	160106.0108b3
		Biết cách sử dụng một số chất liệu trong thực hành, sáng tạo.	160106.0108c3
		Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế cuộc sống.	160106.0108d3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.	Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm.	160106.0109a5
		Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về tác giả, tác phẩm.	160106.0109b6
		Phân tích được vẻ đẹp của tác phẩm mỹ thuật.	160106.0109c4
		Hiểu được mối liên hệ giữa mỹ thuật với một số môn học, hoạt động giáo dục khác.	160106.0109d2
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm.	160106.011a5
		Biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi về tác giả, tác phẩm.	160106.011b6
		Phân tích được vẻ đẹp của tác phẩm mỹ thuật.	160106.011c4
		Hiểu được mối liên hệ giữa mỹ thuật với một số môn học, hoạt động giáo dục khác.	160106.011d2
Mỹ thuật ứng dụng	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Xác định được mục đích sử dụng của sản phẩm.	160106.0201a3
		Phân biệt được giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế.	160106.0201b2
		Chỉ ra được các bước cơ bản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.	160106.0201c2
		Xác định được các loại vật liệu phù hợp để tạo nên sản phẩm.	160106.0201d2
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Xác định được mục đích sử dụng của sản phẩm.	160106.0202a3
		Phân biệt được giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm thiết kế.	160106.0202b2
		Chỉ ra được các bước cơ bản trong thực hành, sáng tạo sản phẩm.	160106.0202c2
		Xác định được các loại vật liệu phù hợp để tạo nên sản phẩm.	160106.0202d2
	Lí luận và lịch sử mỹ thuật		160106.0203a

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Thiết kế công nghiệp		160106.0204a
	Thiết kế đồ hoạ		160106.0205a
	Thiết kế thời trang		160106.0206a
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D	Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của một số yếu tố tạo hình vào thiết kế sản phẩm.	160106.0207a3
		Sáng tạo từ những đồ vật, vật liệu sẵn có thành sản phẩm mới.	160106.0207b6
		Vận dụng được một số giá trị thẩm mỹ từ di sản văn hoá nghệ thuật vào thiết kế sản phẩm.	160106.0207c3
		Biết cách trưng bày sản phẩm cá nhân, nhóm.	160106.0207d3
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D	Vận dụng được nguyên lí cân bằng, tương phản của một số yếu tố tạo hình vào thiết kế sản phẩm.	160106.0208a3
		Sáng tạo từ những đồ vật, vật liệu sẵn có thành sản phẩm mới.	160106.0208b6
		Vận dụng được một số giá trị thẩm mỹ từ di sản văn hoá nghệ thuật vào thiết kế sản phẩm.	160106.0208c3
		Biết cách trưng bày sản phẩm cá nhân, nhóm.	160106.0208d3
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật	Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm học tập.	160106.0209a5
		Biết đặt câu hỏi, trả lời, trao đổi về sản phẩm và học hỏi kinh nghiệm thực hành trong đánh giá.	160106.0209b6
		Phân tích được giá trị thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế.	160106.0209c4
		Hiểu được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế.	160106.0209d3
		Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm học tập.	160106.021a5

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Biết đặt câu hỏi, trả lời, trao đổi về sản phẩm và học hỏi kinh nghiệm thực hành trong đánh giá.	160106.021b6
		Phân tích được giá trị thẩm mỹ của sản phẩm thiết kế.	160106.021c4
		Hiểu được tính ứng dụng của sản phẩm thiết kế.	160106.021d3
MĨ THUẬT 7			
Mĩ thuật tạo hình	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Xác định được mục đích sáng tạo sản phẩm.	160107.0101a2
		Nhận biết được giá trị thẩm mỹ của một số trường phái nghệ thuật.	160107.0101b1
		Phân biệt được sự mô phỏng lại và lặp lại trên sản phẩm, tác phẩm.	160107.0101c3
		Xây dựng được kế hoạch học tập sát với quá trình thực hành sáng tạo	160107.0101d6
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Xác định được mục đích sáng tạo sản phẩm.	160107.0102a2
		Nhận biết được giá trị thẩm mỹ của một số trường phái nghệ thuật.	160107.0102b1
		Phân biệt được sự mô phỏng lại và lặp lại trên sản phẩm, tác phẩm.	160107.0102c3
		Xây dựng được kế hoạch học tập sát với quá trình thực hành sáng tạo	160107.0102d6
	Lí luận và lịch sử mĩ thuật		160107.0103a
	Hội hoạ		160107.0104a
	Đồ hoạ (tranh in)		160107.0105a
	Điêu khắc		160107.0106a
	Tạo sản phẩm mĩ thuật 2D.	Xác định, diễn tả được nguồn sáng và đối tượng được chiếu sáng.	160107.0107a2
		Mô phỏng lại được “mẫu” (đối tượng nghệ thuật) đúng trình tự và phương pháp.	160107.0107b3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Vận dụng được nhịp điệu của đường nét, hoa văn, họa tiết,... vào sáng tạo sản phẩm.	160107.0107c3
		Vận dụng được giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật truyền thống vào thực hành, sáng tạo.	160107.0107d3
	Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.	Xác định, diễn tả được nguồn sáng và đối tượng được chiếu sáng.	160107.0108a2
		Mô phỏng lại được “mẫu” (đối tượng nghệ thuật) đúng trình tự và phương pháp.	160107.0108b3
		Vận dụng được nhịp điệu của đường nét, hoa văn, họa tiết,... vào sáng tạo sản phẩm.	160107.0108c3
		Vận dụng được giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật truyền thống vào thực hành, sáng tạo.	160107.0108d3
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.	Lựa chọn được hình thức giới thiệu, không gian trưng bày sản phẩm.	160107.0109a3
		Sử dụng được thuật ngữ chuyên môn để mô tả tác phẩm mỹ thuật.	160107.0109b3
		Chỉ ra được vai trò của tác phẩm hội họa, đồ họa trong không gian nội thất.	160107.0109c2
		Phân biệt được một số chất liệu trong hội họa và đồ họa.	160107.0109d2
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Lựa chọn được hình thức giới thiệu, không gian trưng bày sản phẩm.	160107.011a3
		Sử dụng được thuật ngữ chuyên môn để mô tả tác phẩm mỹ thuật.	160107.011b3
		Chỉ ra được vai trò của tác phẩm hội họa, đồ họa trong không gian nội thất.	160107.011c2
		Phân biệt được một số chất liệu trong hội họa và đồ họa.	160107.011d2
Mỹ thuật ứng dụng		Nêu được tính chất biểu tượng của logo thương hiệu.	160107.0201a1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Xác định được phong cách chủ đạo, ngôn ngữ thiết kế sử dụng trong sản phẩm, tác phẩm.	160107.0201b2
		Biết được một số kỹ thuật cơ bản tạo nên sản phẩm.	160107.0201c1
		Biết chọn lọc giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật truyền thống cho ý tưởng thiết kế	160107.0201d5
	Nguyên lý tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Nêu được tính chất biểu tượng của logo thương hiệu.	160107.0202a1
		Xác định được phong cách chủ đạo, ngôn ngữ thiết kế sử dụng trong sản phẩm, tác phẩm.	160107.0202b2
		Biết được một số kỹ thuật cơ bản tạo nên sản phẩm.	160107.0202c1
		Biết chọn lọc giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật truyền thống cho ý tưởng thiết kế	160107.0202d5
	Lí luận và lịch sử mỹ thuật		160107.0203a
	Thiết kế công nghiệp		160107.0204a
	Thiết kế đồ hoạ		160107.0205a
	Thiết kế thời trang		160107.0206a
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D	Sao chép, mô phỏng và phát triển được sản phẩm dựa theo mẫu có sẵn.	160107.0207a3
		Vận dụng được tính chất lặp lại của hình ảnh, chữ,... vào thiết kế sản phẩm.	160107.0207b3
		Vận dụng được nhịp điệu của hoa văn, hoạ tiết vào thiết kế sản phẩm.	160107.0207c3
		Cải tiến, tái chế được công cụ, phương tiện và vật liệu.	160107.0207d6
		Sao chép, mô phỏng và phát triển được sản phẩm dựa theo mẫu có sẵn.	160107.0208a3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D	Vận dụng được tính chất lặp lại của hình ảnh, chữ,... vào thiết kế sản phẩm.	160107.0208b3
		Vận dụng được nhịp điệu của hoa văn, hoạ tiết vào thiết kế sản phẩm.	160107.0208c3
		Cải tiến, tái chế được công cụ, phương tiện và vật liệu.	160107.0208d6
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật	Hoàn thiện được sản phẩm sẵn sàng cho việc trưng bày hoặc triển lãm, bán hàng.	160107.0209a6
		Phân tích được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm.	160107.0209b4
		Hiểu được sự phù hợp của sản phẩm với những đối tượng sử dụng khác nhau.	160107.0209c2
		Phân tích được vai trò của thị hiếu thẩm mỹ với nhu cầu sử dụng sản phẩm thiết kế.	160107.0209d4
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Hoàn thiện được sản phẩm sẵn sàng cho việc trưng bày hoặc triển lãm, bán hàng.	160107.021a6
		Phân tích được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm.	160107.021b4
		Hiểu được sự phù hợp của sản phẩm với những đối tượng sử dụng khác nhau.	160107.021c2
		Phân tích được vai trò của thị hiếu thẩm mỹ với nhu cầu sử dụng sản phẩm thiết kế.	160107.021d4
	MĨ THUẬT 8		
Mĩ thuật tạo hình	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc,	Thu thập được tư liệu, tài liệu,... cho việc thực hiện sản phẩm.	160108.0101a1
		Phân biệt được tính tượng trưng, tính biểu tượng trong tác phẩm mĩ thuật.	160108.0101b2

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Phân biệt được yếu tố chính, phụ, trung gian,... ở sản phẩm, tác phẩm.	160108.0101c2
		Lựa chọn được công cụ, phương tiện và vật liệu để thực hành, sáng tạo	160108.0101d3
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Thu thập được tư liệu, tài liệu,... cho việc thực hiện sản phẩm.	160108.0102a1
		Phân biệt được tính tượng trưng, tính biểu tượng trong tác phẩm mỹ thuật.	160108.0102b2
		Phân biệt được yếu tố chính, phụ, trung gian,... ở sản phẩm, tác phẩm.	160108.0102c2
		Lựa chọn được công cụ, phương tiện và vật liệu để thực hành, sáng tạo	160108.0102d3
	Lí luận và lịch sử mỹ thuật		160108.0103a
	Hội hoạ		160108.0104a
	Đồ hoạ (tranh in)		160108.0105a
	Điêu khắc		160108.0106a
	Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.	Vận dụng được phong cách, bút pháp của một số trường phái nghệ thuật vào thực hành sáng tạo.	160108.0107a3
		Xác định và thể hiện được điểm nhấn trong thực hành, sáng tạo.	160108.0107b3
		Thể hiện được phương hướng chuyển động của yếu tố tạo hình ở sản phẩm.	160108.0107c3
		Vận dụng được yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thực hành, sáng tạo	160108.0107d3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.	Vận dụng được phong cách, bút pháp của một số trường phái nghệ thuật vào thực hành sáng tạo.	160108.0108a3
		Xác định và thể hiện được điểm nhấn trong thực hành, sáng tạo.	160108.0108b3
		Thể hiện được phương hướng chuyển động của yếu tố tạo hình ở sản phẩm.	160108.0108c3
		Vận dụng được yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thực hành, sáng tạo	160108.0108d3
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.	Tóm tắt được vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của một số nghệ sĩ nổi tiếng Việt Nam và thế giới.	160108.0109a2
		Nhận định được tiến trình phát triển của một số phong cách, trào lưu, trường phái nghệ thuật (Ấn tượng, Lập thể, Biểu hiện,...).	160108.0109b5
		Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm cùng phong cách, trường phái.	160108.0109c4
		Trình bày được quan điểm cá nhân về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	160108.0109d2
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Tóm tắt được vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của một số nghệ sĩ nổi tiếng Việt Nam và thế giới.	160108.011a2
		Nhận định được tiến trình phát triển của một số phong cách, trào lưu, trường phái nghệ thuật (Ấn tượng, Lập thể, Biểu hiện,...).	160108.011b5
		Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm cùng phong cách, trường phái.	160108.011c4
		Trình bày được quan điểm cá nhân về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	160108.011d2
Mỹ thuật ứng dụng		Xác định được ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng.	160108.0201a6

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Nhận biết và hiểu được tính tượng trưng, tính biểu tượng của sản phẩm, tác phẩm thiết kế.	160108.0201b2
		Nhận biết được tác động của khoa học kĩ thuật đối với ngành nghề thiết kế.	160108.0201c1
		Nêu được ý tưởng cải tiến, thiết kế sản phẩm, tác phẩm.	160108.0201d6
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Xác định được ý tưởng sáng tạo phù hợp với mục đích sử dụng.	160108.0202a6
		Nhận biết và hiểu được tính tượng trưng, tính biểu tượng của sản phẩm, tác phẩm thiết kế.	160108.0202b2
		Nhận biết được tác động của khoa học kĩ thuật đối với ngành nghề thiết kế.	160108.0202c1
		Nêu được ý tưởng cải tiến, thiết kế sản phẩm, tác phẩm.	160108.0202d6
	Lí luận và lịch sử mỹ thuật		160108.0203a
	Thiết kế công nghiệp		160108.0204a
	Thiết kế đồ hoạ		160108.0205a
	Thiết kế thời trang		160108.0206a
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D	Vận dụng được chi tiết hình ảnh làm trọng tâm cho sản phẩm.	160108.0207a3
		Thể hiện được phương hướng chuyển động của hoa văn, hoạ tiết ở sản phẩm.	160108.0207b3
		Sử dụng được màu sắc tự thân của vật liệu để thiết kế, trang trí sản phẩm.	160108.0207c3
		Biết vận dụng yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thiết kế sản phẩm.	160108.0207d3
		Vận dụng được chi tiết hình ảnh làm trọng tâm cho sản phẩm.	160108.0208a3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D	Thể hiện được phương hướng chuyển động của hoa văn, hoạ tiết ở sản phẩm.	160108.0208b3
		Sử dụng được màu sắc tự thân của vật liệu để thiết kế, trang trí sản phẩm.	160108.0208c3
		Biết vận dụng yếu tố văn hoá nghệ thuật truyền thống của một số dân tộc ít người vào thiết kế sản phẩm.	160108.0208d3
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật	Giải thích được tính phổ biến của hình ảnh thương hiệu trong sự phát triển sản phẩm.	160108.0209a2
		Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa hai sản phẩm, tác phẩm thiết kế cùng thể loại, mục đích.	160108.0209b4
		Phân tích được giá trị thẩm mỹ, công năng, tiện ích của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; biết rút kinh nghiệm cho thực hành, sáng tạo.	160108.0209c4
		Nhận định được đời sống văn hoá xã hội thông qua hình ảnh trên di sản văn hoá nghệ thuật	160108.0209d5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Giải thích được tính phổ biến của hình ảnh thương hiệu trong sự phát triển sản phẩm.	160108.021a2
		Phân tích, so sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa hai sản phẩm, tác phẩm thiết kế cùng thể loại, mục đích.	160108.021b4
		Phân tích được giá trị thẩm mỹ, công năng, tiện ích của sản phẩm, tác phẩm thiết kế; biết rút kinh nghiệm cho thực hành, sáng tạo.	160108.021c4
		Nhận định được đời sống văn hoá xã hội thông qua hình ảnh trên di sản văn hoá nghệ thuật	160108.021d5
Chủ đề: Hướng nghiệp	Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình	Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.	160108.0301a1
		Nêu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.	160108.0301b1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Thực hành, sáng tạo sản phẩm mỹ thuật tạo hình	Viết được một bài luận hoặc làm một đoạn Video clip,... giới thiệu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.	160108.0302a6
		Thể hiện được kiến thức, kĩ năng liên môn thông qua sản phẩm cụ thể.	160108.0302b3
	Một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật tạo hình.	Hiểu được vai trò của mỹ thuật trong đời sống văn hoá xã hội	160108.0303a2
		Nhận định được lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân.	160108.0303b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Hiểu được vai trò của mỹ thuật trong đời sống văn hoá xã hội	160108.0304a2
		Nhận định được lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với sở thích cá nhân.	160108.0304b5
MĨ THUẬT 9			
Mỹ thuật tạo hình	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Tiếp cận và cập nhật được một số trào lưu nghệ thuật đương đại.	160109.0101a2
		Nhận biết được sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình.	160109.0101b1
		Xác định được bố cục khuôn hình (cắt cảnh) trong thực hành sáng tạo.	160109.0101c2
		Biết liên tưởng cảm hứng cá nhân với ý tưởng sáng tạo.	160109.0101d2
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Tiếp cận và cập nhật được một số trào lưu nghệ thuật đương đại.	160109.0102a2
		Nhận biết được sự hài hoà về tỉ lệ của các yếu tố tạo hình.	160109.0102b1
		Xác định được bố cục khuôn hình (cắt cảnh) trong thực hành sáng tạo.	160109.0102c2
		Biết liên tưởng cảm hứng cá nhân với ý tưởng sáng tạo.	160109.0102d2
	Lí luận và lịch sử mỹ thuật		160109.0103a

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Hội hoạ		160109.0104a
	Đồ hoạ (tranh in)		160109.0105a
	Điêu khắc		160109.0106a
	Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D.	Vận dụng được hình ảnh từ thực tiễn đời sống vào thực hành sáng tạo.	160109.0107a3
		Mô phỏng được hình ảnh có tỉ lệ phù hợp với “nguyên mẫu”.	160109.0107b3
		Thể hiện được ý tưởng bố cục sản phẩm.	160109.0107c3
		Lập được danh mục tác phẩm, nhật kí sáng tạo, lưu trữ hình ảnh.	160109.0107d6
	Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D.	Vận dụng được hình ảnh từ thực tiễn đời sống vào thực hành sáng tạo.	160109.0108a3
		Mô phỏng được hình ảnh có tỉ lệ phù hợp với “nguyên mẫu”.	160109.0108b3
		Thể hiện được ý tưởng bố cục sản phẩm.	160109.0108c3
		Lập được danh mục tác phẩm, nhật kí sáng tạo, lưu trữ hình ảnh.	160109.0108d6
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.	Hiểu được mỗi nghệ sĩ đều có phong cách riêng; phong cách thể hiện quan điểm, tư tưởng của nghệ sĩ đó.	160109.0109a2
		Nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật và vai trò của người xem (khán giả, công chúng) trong thưởng thức, đánh giá tác phẩm.	160109.0109b2
		Nhận định được giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật đương đại.	160109.0109c5
		Hiểu được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật.	160109.0109d2
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Hiểu được mỗi nghệ sĩ đều có phong cách riêng; phong cách thể hiện quan điểm, tư tưởng của nghệ sĩ đó.	160109.011a2

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Nhận thức được vai trò của nghệ sĩ (tác giả) trong sáng tạo nghệ thuật và vai trò của người xem (khán giả, công chúng) trong thưởng thức, đánh giá tác phẩm.	160109.011b2
		Nhận định được giá trị thẩm mỹ của nghệ thuật đương đại.	160109.011c5
		Hiểu được sự tác động của đời sống văn hoá, xã hội đến mỹ thuật.	160109.011d2
Mỹ thuật ứng dụng	Yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.	Hiểu được vai trò của “nhận diện hình ảnh thương hiệu” trong sản phẩm, tác phẩm thiết kế.	160109.0201a2
		Cập nhật được xu hướng thẩm mỹ của thời đại và hình thành ý tưởng thiết kế.	160109.0201b2
		Nhận định được sự tác động của internet đối với thị hiếu tiêu dùng.	160109.0201c5
		Nêu được giải pháp, phác thảo phương án cho thiết kế sản phẩm	160109.0201d6
	Nguyên lí tạo hình: cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.	Hiểu được vai trò của “nhận diện hình ảnh thương hiệu” trong sản phẩm, tác phẩm thiết kế.	160109.0202a2
		Cập nhật được xu hướng thẩm mỹ của thời đại và hình thành ý tưởng thiết kế.	160109.0202b2
		Nhận định được sự tác động của internet đối với thị hiếu tiêu dùng.	160109.0202c5
		Nêu được giải pháp, phác thảo phương án cho thiết kế sản phẩm	160109.0202d6
	Lí luận và lịch sử mỹ thuật		160109.0203a
	Thiết kế công nghiệp		160109.0204a
	Thiết kế đồ hoạ		160109.0205a
	Thiết kế thời trang		160109.0206a
		Lựa chọn được chi tiết có tỉ lệ phù hợp với kích thước sản phẩm.	160109.0207a3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 2D	Tạo được sự hài hoà giữa hình và nền trên sản phẩm thiết kế.	160109.0207b6
		Vận dụng được nguyên lí của sự sắp xếp (hay còn gọi là bố cục) trong thiết kế.	160109.0207c3
		Biết ứng dụng khoa học công nghệ vào thiết kế sản phẩm	160109.0207d3
	Thực hành sáng tạo sản phẩm thiết kế 3D	Lựa chọn được chi tiết có tỉ lệ phù hợp với kích thước sản phẩm.	160109.0208a3
		Tạo được sự hài hoà giữa hình và nền trên sản phẩm thiết kế.	160109.0208b6
		Vận dụng được nguyên lí của sự sắp xếp (hay còn gọi là bố cục) trong thiết kế.	160109.0208c3
		Biết ứng dụng khoa học công nghệ vào thiết kế sản phẩm	160109.0208d3
	Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, sản phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật	Xác định, giải thích được địa điểm, không gian có thể phù hợp cho việc trưng bày sản phẩm, tác phẩm.	160109.0209a2
		Phân loại được sản phẩm thiết kế đồ hoạ, thiết kế thời trang, thiết kế công nghiệp.	160109.0209b4
		Sử dụng được thông điệp hình ảnh để giới thiệu, truyền thông sản phẩm, tác phẩm.	160109.0209c3
		Nhận định, phân tích được sự hài hoà giữa sản phẩm, tác phẩm và môi trường xung quanh	160109.0209d5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Xác định, giải thích được địa điểm, không gian có thể phù hợp cho việc trưng bày sản phẩm, tác phẩm.	160109.021a2
		Phân loại được sản phẩm thiết kế đồ hoạ, thiết kế thời trang, thiết kế công nghiệp.	160109.021b4
		Sử dụng được thông điệp hình ảnh để giới thiệu, truyền thông sản phẩm, tác phẩm.	160109.021c3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Nhận định, phân tích được sự hài hoà giữa sản phẩm, tác phẩm và môi trường xung quanh	160109.021d5
Chủ đề: Hướng nghiệp	Tìm hiểu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng	Liệt kê được một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng.	160109.0301a1
		Nêu được yếu tố đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thiết kế.	160109.0301b1
	Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật ứng dụng	Thể hiện được đặc trưng của lĩnh vực ngành nghề thông qua sản phẩm cụ thể.	160109.0302a3
		Viết được một bài luận hoặc thực hiện một đoạn Video clip,... giới thiệu ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng.	160109.0302b6
	Một số ngành nghề liên quan đến mỹ thuật ứng dụng	Phân tích được nhu cầu xã hội đối với các ngành nghề mỹ thuật ứng dụng.	160109.0303a4
		Định hướng được nghề nghiệp trong tương lai.	160109.0303b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích được nhu cầu xã hội đối với các ngành nghề mỹ thuật ứng dụng.	160109.0304a4
		Định hướng được nghề nghiệp trong tương lai.	160109.0304b5
MĨ THUẬT 10			
LÍ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MĨ THUẬT	Lịch sử mỹ thuật	Biết được một số nét tiêu biểu về lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới.	160110.0101a1
	Tìm hiểu, khai thác tư liệu mỹ thuật.	Lập được danh mục tư liệu liên quan đến lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới.	160110.0102a6
		Tóm tắt được đặc điểm một số nền mỹ thuật của Việt Nam và thế giới.	160110.0102b2
	Trao đổi, bàn luận về lịch sử mỹ thuật.	Trao đổi được thông tin, tư liệu, kiến thức đã thu thập.	160110.0103a4
		Biết được mối quan hệ liên ngành giữa Lịch sử mỹ thuật và Khảo cổ học.	160110.0103b1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Trao đổi được thông tin, tư liệu, kiến thức đã thu thập.	160110.0104a4
		Biết được mối quan hệ liên ngành giữa Lịch sử mỹ thuật và Khảo cổ học.	160110.0104b1
Hội họa	Tranh phong cảnh	Biết được vài nét về nghệ thuật Hội họa và đặc điểm tranh chất liệu chì hoặc than	160110.0201a1
		Lựa chọn được thể loại tranh để thực hành, sáng tạo.	160110.0201b3
	Tranh tĩnh vật	Biết được vài nét về nghệ thuật Hội họa và đặc điểm tranh chất liệu chì hoặc than	160110.0202a1
		Lựa chọn được thể loại tranh để thực hành, sáng tạo.	160110.0202b3
	Tranh chân dung	Biết được vài nét về nghệ thuật Hội họa và đặc điểm tranh chất liệu chì hoặc than	160110.0203a1
		Lựa chọn được thể loại tranh để thực hành, sáng tạo.	160110.0203b3
	Tranh sinh hoạt	Biết được vài nét về nghệ thuật Hội họa và đặc điểm tranh chất liệu chì hoặc than	160110.0204a1
		Lựa chọn được thể loại tranh để thực hành, sáng tạo.	160110.0204b3
	Thực hành Chất liệu chì hoặc than	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện tranh bằng chất liệu chì hoặc than.	160110.0205a6
		Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua cách vẽ.	160110.0205b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	160110.0205c3
		Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm.	160110.0206a4

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Thảo luận đặc điểm tranh vẽ bằng chất liệu chì hoặc than.	Giới thiệu được tác giả và vẻ đẹp của tác phẩm hội họa chất liệu chì hoặc than.	160110.0206b2
	Thảo luận Sản phẩm thực hành của học sinh.	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm.	160110.0207a4
		Giới thiệu được tác giả và vẻ đẹp của tác phẩm hội họa chất liệu chì hoặc than.	160110.0207b2
Đồ họa (Tranh in)	Tranh phong cảnh	Biết được vài nét về nghệ thuật Đồ họa (tranh in) và đặc điểm của tranh in bản dập.	160110.0301a1
		Lựa chọn thể loại tranh để thực hành, sáng tạo.	160110.0301b3
	Tranh tĩnh vật	Biết được vài nét về nghệ thuật Đồ họa (tranh in) và đặc điểm của tranh in bản dập.	160110.0302a1
		Lựa chọn thể loại tranh để thực hành, sáng tạo.	160110.0302b3
	Tranh chân dung	Biết được vài nét về nghệ thuật Đồ họa (tranh in) và đặc điểm của tranh in bản dập.	160110.0303a1
		Lựa chọn thể loại tranh để thực hành, sáng tạo.	160110.0303b3
	Tranh sinh hoạt	Biết được vài nét về nghệ thuật Đồ họa (tranh in) và đặc điểm của tranh in bản dập.	160110.0304a1
		Lựa chọn thể loại tranh để thực hành, sáng tạo.	160110.0304b3
	Thực hành tranh in bản dập	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện tranh in bản dập.	160110.0305a6
		Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kỹ thuật in bản dập.	160110.0305b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	160110.0305c3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Thảo luận đặc điểm tranh in bản dập	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh in bản dập.	160110.0306a4
		Giới thiệu được tác giả và vẻ đẹp của tác phẩm tranh in bản dập.	160110.0306b2
	Thảo luận Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh in bản dập.	160110.0307a4
		Giới thiệu được tác giả và vẻ đẹp của tác phẩm tranh in bản dập.	160110.0307b2
Điêu khắc	Phù điêu	Biết được vài nét về nghệ thuật Điêu khắc và đặc điểm thể loại phù điêu.	160110.0401a1
		Lựa chọn được đối tượng để thực hành, sáng tạo.	160110.0401b3
	Làm phù điêu	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện phù điêu.	160110.0402a6
		Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kĩ thuật thể hiện phù điêu.	160110.0402b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	160110.0402c3
	Thảo luận đặc điểm của phù điêu	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá phù điêu.	160110.0403a4
		Giới thiệu được đặc điểm của thể loại phù điêu thông qua sản phẩm thực hành và tác phẩm liên quan đến chủ đề.	160110.0403b2
	Thảo luận Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá phù điêu.	160110.0404a4
		Giới thiệu được đặc điểm của thể loại phù điêu thông qua sản phẩm thực hành và tác phẩm liên quan đến chủ đề.	160110.0404b2
Thiết kế công nghiệp	Thiết kế đồ chơi	Hiểu được khái niệm thiết kế công nghiệp và mối quan hệ của thiết kế công nghiệp với đời sống.	160110.0501a2

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Nhận biết được tính chất và đặc điểm chất liệu của một số thể loại đồ chơi.	160110.0501b1
	Thiết kế đồ chơi cho trẻ em bằng vật liệu sẵn có	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế đồ chơi.	160110.0502a6
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	160110.0502b3
		Thể hiện được sự kết hợp giữa thẩm mĩ và ứng dụng thông qua sản phẩm.	160110.0502c3
	Đặc điểm nghệ thuật thiết kế đồ chơi cho trẻ em	Phân tích được mối quan hệ giữa tính thẩm mĩ và tính ứng dụng của các sản phẩm đồ chơi.	160110.0503a4
		Đánh giá được vai trò của nghệ thuật thiết kế đồ chơi trong đời sống xã hội.	160110.0503b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích được mối quan hệ giữa tính thẩm mĩ và tính ứng dụng của các sản phẩm đồ chơi.	160110.0504a4
		Đánh giá được vai trò của nghệ thuật thiết kế đồ chơi trong đời sống xã hội.	160110.0504b5
Thiết kế đồ họa	Nghệ thuật chữ và hình	Biết được vài nét về thiết kế đồ họa và đặc điểm thiết kế logo.	160110.0601a1
		Biết lựa chọn chữ và hình để thực hành, sáng tạo.	160110.0601b3
	Thiết kế logo đơn giản	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế logo đơn giản.	160110.0602a6
		Bước đầu biểu đạt được ý tưởng nội dung ở logo.	160110.0602b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	160110.0602c3
	Đặc điểm của logo	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm.	160110.0603a4

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Giới thiệu được ý tưởng thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm thiết kế logo.	160110.0603b2
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm.	160110.0604a4
		Giới thiệu được ý tưởng thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm thiết kế logo.	160110.0604b2
Thiết kế thời trang	Vẽ mẫu thời trang	Lựa chọn được loại trang phục để thực hành, sáng tạo.	160110.0701a3
		Nhận biết được đặc điểm vẽ mẫu thời trang và loại trang phục đã lựa chọn.	160110.0701b1
	Tập phác thảo mẫu trang phục đơn giản	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế mẫu trang phục đơn giản.	160110.0702a6
		Bước đầu kết hợp được sáng tạo và ứng dụng ở sản phẩm.	160110.0702b6
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	160110.0702c3
	Đặc điểm vẽ mẫu thời trang	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm.	160110.0703a4
		Giới thiệu được ý tưởng thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mẫu trang phục trong giới hạn chủ đề.	160110.0703b2
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm.	160110.0704a4
		Giới thiệu được ý tưởng thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mẫu trang phục trong giới hạn chủ đề.	160110.0704b2
		Nhận biết được đặc điểm của thiết kế mỹ thuật sân khấu.	160110.0801a1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Thiết kế mỹ thuật sân khấu	Hiểu được mục đích thẩm mỹ và công năng của thiết kế mỹ thuật sân khấu.	160110.0801b2
	Tập làm thiết kế mỹ thuật sân khấu (mô hình hoặc bản vẽ đơn giản)	Lựa chọn được loại hình sân khấu để thực hành, sáng tạo.	160110.0802a3
		Thực hiện được phác thảo, hoàn thiện mô hình hoặc bản vẽ đơn giản về sân khấu theo chủ đề lựa chọn.	160110.0802b6
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	160110.0802c3
		Thể hiện được mục đích và ý tưởng thiết kế trong thực hành, sáng tạo.	160110.0802d3
	Đặc điểm thiết kế mỹ thuật sân khấu	ân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm	160110.0803a4
	Sản phẩm thực hành của học sinh	ân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm	160110.0804a4
Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	Nhiếp ảnh	Nhận biết được đặc điểm của thể loại nhiếp ảnh.	160110.0901a1
		Biết sử dụng phương tiện sẵn có để thực hành, sáng tạo.	160110.0901b3
	Chụp và xử lý ảnh bằng thiết bị sẵn có	Thực hiện được thao tác với phương tiện sẵn có để chụp và xử lý ảnh.	160110.0902a3
		Xác định được đối tượng, khuôn hình và nguồn sáng.	160110.0902b2
		Thể hiện được ý tưởng nội dung chủ đề.	160110.0902c3
	Đặc điểm nhiếp ảnh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm nhiếp ảnh.	160110.0903a4
		Nhận định được vai trò của nhiếp ảnh trong đời sống thực tiễn.	160110.0903b5

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm nhiếp ảnh.	160110.0904a4
		Nhận định được vai trò của nhiếp ảnh trong đời sống thực tiễn.	160110.0904b5
Kiến trúc	Kiến trúc	Nhận biết được đặc điểm của thể loại kiến trúc.	160110.1001a1
		Xác định được mục đích thẩm mỹ và công năng của công trình kiến trúc.	160110.1001b2
	Mô phỏng công trình kiến trúc (bản vẽ hoặc mô hình)	Sử dụng được một số kỹ năng tạo hình cơ bản để mô phỏng công trình kiến trúc (bản vẽ hoặc mô hình).	160110.1002a3
		Sử dụng được các vật liệu sẵn có (bìa, giấy hoặc nan tre,...) để thực hành, sáng tạo.	160110.1002b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	160110.1002c3
	Đặc điểm nghệ thuật kiến trúc	Phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thẩm mỹ kiến trúc.	160110.1003a5
		Chỉ ra được mối quan hệ tương tác giữa mỹ thuật và kiến trúc.	160110.1003b2
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thẩm mỹ kiến trúc.	160110.1004a5
		Chỉ ra được mối quan hệ tương tác giữa mỹ thuật và kiến trúc.	160110.1004b2
Chuyên đề 10.1	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian	Phân loại được một số khối cơ bản trong mẫu vẽ	160110.1101a4
		Phân biệt được đặc điểm và tính chất của khối cơ bản trong không gian	160110.1101b2
		Phân loại được một số khối cơ bản trong mẫu vẽ	160110.1102a4

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà	Phân biệt được đặc điểm và tính chất của khối cơ bản trong không gian	160110.1102b2
	Vẽ nghiên cứu khối cơ bản bằng chất liệu chì.	Sắp xếp được bố cục trên khổ giấy	160110.1103a3
		Thực hiện được các bước vẽ khối cơ bản trong thực hành	160110.1103b3
		Thể hiện được cấu trúc, diễn tả khối trong không gian bằng chất liệu chì	160110.1103c3
	Trao đổi về hình hoạ: Khối cơ bản	Phân tích được mối quan hệ giữa ánh sáng và khối trong không gian	160110.1104a4
		Đánh giá được bố cục, hình, khối, không gian	160110.1104b5
Chuyên đề 10.2	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian	Nhận biết được đặc điểm của trang trí hình vuông	160110.1201a1
		Lựa chọn được hoạ tiết, chất liệu để thực hành	160110.1201b3
	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà	Nhận biết được đặc điểm của trang trí hình vuông	160110.1202a1
		Lựa chọn được hoạ tiết, chất liệu để thực hành	160110.1202b3
	Trang trí hình vuông	Sử dụng được chất liệu màu bột hoặc màu nước, chất liệu tương đương để thực hành, sáng tạo	160110.1203a3
		Sắp xếp được hoạ tiết trong trang trí hình vuông dựa trên các yếu tố và nguyên lí tạo hình	160110.1203b3
		Tạo được hoạ sắc trong trang trí hình vuông	160110.1203c6
	Trao đổi về hình hoạ: Khối cơ bản	Trao đổi, phân tích về trang trí hình vuông	160110.1204a4
		Liên hệ được tính ứng dụng của trang trí hình vuông trong đời sống	160110.1204b3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Trao đổi, phân tích về trang trí hình vuông	160110.1205a4
		Liên hệ được tính ứng dụng của trang trí hình vuông trong đời sống	160110.1205b3
Chuyên đề 10.3	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian	Nhận biết được đặc điểm tranh bố cục phong cảnh	160110.1301a1
		Lựa chọn được phong cảnh, chất liệu để thực hành	160110.1301b3
	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà	Nhận biết được đặc điểm tranh bố cục phong cảnh	160110.1302a1
		Lựa chọn được phong cảnh, chất liệu để thực hành	160110.1302b3
	Vẽ tranh bố cục phong cảnh (có thể có người) bằng chất liệu màu bột, màu nước hoặc chất liệu tương đương	Sử dụng được chất liệu màu bột, màu nước hoặc chất liệu tương đương để thực hành, sáng tạo	160110.1303a3
		Có khả năng xây dựng được bố cục hợp lí và sinh động	160110.1303b6
		Ứng dụng được cách phối màu, hoà sắc trong bố cục tranh	160110.1303c3
	Tranh bố cục phong cảnh	Trao đổi, phân tích về tranh bố cục phong cảnh	160110.1304a4
		Có khả năng phát triển được sản phẩm cá nhân trong trưng bày, đánh giá và tìm hiểu tác giả, tác phẩm tranh bố cục phong cảnh	160110.1304b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Trao đổi, phân tích về tranh bố cục phong cảnh	160110.1305a4
		Có khả năng phát triển được sản phẩm cá nhân trong trưng bày, đánh giá và tìm hiểu tác giả, tác phẩm tranh bố cục phong cảnh	160110.1305b5
MĨ THUẬT 11			
	Lí luận mỹ thuật	Biết được một số nét tiêu biểu về lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới	160111.0101a1
		Chọn lọc được một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu để phân tích	160111.0101b5

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
LÍ LUẬN VÀ LỊCH SỬ THUẬT MĨ	Tìm hiểu tác giả, phân tích tác phẩm	Lập được dàn ý bài viết về tác giả, tác phẩm	160111.0102a6
		Viết được một bài luận ngắn về tác giả, tác phẩm	160111.0102b6
		Thể hiện được khả năng vận dụng phương tiện công nghệ trong nội dung bài luận	160111.0102c3
	Bài viết về tác giả, tác phẩm	Nhận xét, trao đổi và đánh giá được bài luận	160111.0103a5
		Phân tích được mối liên hệ giữa tác giả, tác phẩm và đời sống xã hội	160111.0103b4
	Sản phẩm thực hành của học sinh.	Nhận xét, trao đổi và đánh giá được bài luận	160111.0104a5
		Phân tích được mối liên hệ giữa tác giả, tác phẩm và đời sống xã hội	160111.0104b4
Hội họa	Tranh phong cảnh	Nhận biết được đặc điểm tranh chất liệu màu nước	160111.0201a1
		Lựa chọn được thể loại tranh để thực hành, sáng tạo	160111.0201b3
	Tranh tĩnh vật	Nhận biết được đặc điểm tranh chất liệu màu nước	160111.0202a1
		Lựa chọn được thể loại tranh để thực hành, sáng tạo	160111.0202b3
	Tranh chân dung	Nhận biết được đặc điểm tranh chất liệu màu nước	160111.0203a1
		Lựa chọn được thể loại tranh để thực hành, sáng tạo	160111.0203b3
	Tranh sinh hoạt	Nhận biết được đặc điểm tranh chất liệu màu nước	160111.0204a1
		Lựa chọn được thể loại tranh để thực hành, sáng tạo	160111.0204b3
	Thực hành Chất liệu màu nước	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện tranh bằng chất liệu màu nước	160111.0205a6
		Biểu đạt được cảm xúc thông qua cách vẽ	160111.0205b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160111.0205c3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Đặc điểm tranh chất liệu màu nước	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thực hành tranh chất liệu màu nước	160111.0206a4
		Thể hiện quan điểm cá nhân trong cảm thụ và đánh giá sản phẩm, tác phẩm hội họa chất liệu màu nước	160111.0206b3
	Thảo luận Sản phẩm thực hành của học sinh.	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thực hành tranh chất liệu màu nước	160111.0207a4
		Thể hiện quan điểm cá nhân trong cảm thụ và đánh giá sản phẩm, tác phẩm hội họa chất liệu màu nước	160111.0207b3
Đồ họa (Tranh in)	Tranh phong cảnh	Nhận biết được đặc điểm tranh in nổi	160111.0301a1
		Lựa chọn chất liệu, thể loại tranh in để thực hành, sáng tạo	160111.0301b3
	Tranh tĩnh vật	Nhận biết được đặc điểm tranh in nổi	160111.0302a1
		Lựa chọn chất liệu, thể loại tranh in để thực hành, sáng tạo	160111.0302b3
	Tranh chân dung	Nhận biết được đặc điểm tranh in nổi	160111.0303a1
		Lựa chọn chất liệu, thể loại tranh in để thực hành, sáng tạo	160111.0303b3
	Tranh sinh hoạt	Nhận biết được đặc điểm tranh in nổi	160111.0304a1
		Lựa chọn chất liệu, thể loại tranh in để thực hành, sáng tạo	160111.0304b3
	Khắc ván in và in tranh in nổi (lựa chọn vật liệu mềm như: bìa, thạch cao,...)	Thực hiện được phác thảo, khắc ván in và in tranh	160111.0305a6
		Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kỹ thuật khắc, in tranh	160111.0305b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160111.0305c3
	Đặc điểm tranh in nổi	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh in nổi	160111.0306a4

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Đánh giá được quá trình thực hành, sáng tạo tranh in nổi	160111.0306b5
	Thảo luận Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh in nổi	160111.0307a4
		Đánh giá được quá trình thực hành, sáng tạo tranh in nổi	160111.0307b5
Điều khắc	Tượng tròn	Nhận biết được đặc điểm thể loại tượng tròn, liên hệ ý tưởng thể hiện	160111.0401a1
		Biết lựa chọn chất liệu, đối tượng để thực hành, sáng tạo	160111.0401b3
	Làm tượng chân dung (nam hoặc nữ) bằng chất liệu đất (đất sét hoặc đất nặn)	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện tượng chân dung	160111.0402a6
		Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kỹ thuật thể hiện	160111.0402b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160111.0402c3
	Đặc điểm của tượng tròn	Phân tích, trao đổi, thảo luận về giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm điêu khắc tượng tròn	160111.0403a4
		Biết tự đánh giá được quá trình thực hành, sáng tạo	160111.0403b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận về giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm điêu khắc tượng tròn	160111.0404a4
		Biết tự đánh giá được quá trình thực hành, sáng tạo	160111.0404b5
Thiết kế công nghiệp	Thiết kế đồ trang sức	Nhận biết được đặc điểm thiết kế đồ trang sức	160111.0501a1
		Biết được mối quan hệ của thiết kế đồ trang sức với đời sống, liên hệ ý tưởng thể hiện	160111.0501b1
		Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế đồ trang sức	160111.0502a6

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Thiết kế đồ trang sức bằng vật liệu sẵn có	Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160111.0502b3
		Bước đầu thể hiện được tính thẩm mỹ và tính ứng dụng ở sản phẩm	160111.0502c3
	Đặc điểm nghệ thuật thiết kế đồ trang sức	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong trưng bày và đánh giá sản phẩm	160111.0503a4
		Nhận định được mối quan hệ giữa tính thẩm mỹ và tính ứng dụng của sản phẩm đồ trang sức	160111.0503b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong trưng bày và đánh giá sản phẩm	160111.0504a4
		Nhận định được mối quan hệ giữa tính thẩm mỹ và tính ứng dụng của sản phẩm đồ trang sức	160111.0504b5
Thiết kế đồ họa	Thiết kế xuất bản phẩm	Nhận biết được đặc điểm thiết kế xuất bản phẩm	160111.0601a1
		Lựa chọn được nội dung chủ đề thể hiện	160111.0601b3
	Thiết kế bìa sách	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế bìa sách	160111.0602a6
		Bước đầu biểu đạt được ý tưởng nội dung ở bìa sách	160111.0602b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160111.0602c3
	Đặc điểm thiết kế bìa sách	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thiết kế xuất bản phẩm	160111.0603a4
		Phân biệt được đặc điểm thiết kế bìa sách và thiết kế logo	160111.0603b2
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thiết kế xuất bản phẩm	160111.0604a4
		Phân biệt được đặc điểm thiết kế bìa sách và thiết kế logo	160111.0604b2
	Thiết kế thời trang	Lựa chọn được loại phụ kiện thời trang để thực hành, sáng tạo	160111.0701a3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Thiết kế phụ kiện thời trang	Nhận biết được đặc điểm thiết kế phụ kiện thời trang và loại phụ kiện thời trang đã lựa chọn	160111.0701b1
	Tập làm phụ kiện thời trang đơn giản (túi, khăn, thắt lưng, ví, cặp,...)	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế phụ kiện thời trang	160111.0702a6
		Bước đầu thể hiện được sự kết hợp giữa ý tưởng sáng tạo và ứng dụng ở sản phẩm	160111.0702b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160111.0702c3
		Vận dụng và phối hợp được các chất liệu trong thiết kế phụ kiện thời trang	160111.0702d3
	Đặc điểm thiết kế phụ kiện thời trang	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá phụ kiện thời trang	160111.0703a4
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá phụ kiện thời trang	160111.0704a4
Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Thiết kế mỹ thuật điện ảnh	Nhận biết được đặc điểm của thiết kế mỹ thuật điện ảnh	160111.0801a1
		Lựa chọn được nội dung chủ đề để thực hành, sáng tạo	160111.0801b3
	Tập làm thiết kế mỹ thuật bối cảnh phim hoạt hình (mô hình hoặc bản vẽ đơn giản)	Thực hiện được phác thảo, hoàn thiện mô hình hoặc bản vẽ đơn giản về bối cảnh phim theo chủ đề lựa chọn	160111.0802a6
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160111.0802b3
		Thể hiện được mục đích và yêu cầu của thiết kế mỹ thuật bối cảnh phim hoạt hình	160111.0802c3
	Đặc điểm thiết kế mỹ thuật sân khấu	Trình bày được ý tưởng thiết kế mỹ thuật bối cảnh phim hoạt hình ở sản phẩm	160111.0803a2

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thiết kế mỹ thuật bối cảnh phim hoạt hình	160111.0803b4
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Trình bày được ý tưởng thiết kế mỹ thuật bối cảnh phim hoạt hình ở sản phẩm	160111.0804a2
		Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thiết kế mỹ thuật bối cảnh phim hoạt hình	160111.0804b4
Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	Video clip	Nhận biết được đặc điểm, vai trò của video clip	160111.0901a1
		Biết lựa chọn chủ đề, phương tiện sẵn có để thực hành, sáng tạo	160111.0901b3
	Thực hiện một video clip mức độ cơ bản	Phác thảo được các phân cảnh cho một video clip trên giấy	160111.0902a6
		Thực hiện được thao tác với phương tiện sẵn có để làm video clip	160111.0902b3
		Thực hiện được các công đoạn tạo một video clip theo chủ đề	160111.0902c3
		Thể hiện được ý tưởng chủ đề thông qua sản phẩm	160111.0902d3
	Đặc điểm video clip	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm video clip	160111.0903a4
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm video clip	160111.0904a4
Kiến trúc	Thiết kế nội thất	Nhận biết được đặc điểm của thiết kế nội thất	160111.1001a1
		Xác định được mục đích thẩm mỹ và công năng của thiết kế nội thất	160111.1001b2
	Mô phỏng không gian nội thất đơn giản (bản vẽ hoặc mô hình)	Sử dụng được một số kỹ năng tạo hình cơ bản để mô phỏng thiết kế nội thất (bản vẽ hoặc mô hình)	160111.1002a3
		Sử dụng hoặc phối hợp được các vật liệu sẵn có (bìa, giấy, nan tre, gỗ, xốp,...) để thực hành, sáng tạo	160111.1002b3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Đặc điểm thiết kế nội thất	Bước đầu thể hiện được mối liên hệ giữa không gian kiến trúc với thiết kế nội thất	160111.1002c3
		Phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thiết kế nội thất	160111.1003a5
		Chỉ ra được mối quan hệ tương tác giữa mỹ thuật và thiết kế nội thất	160111.1003b2
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thiết kế nội thất	160111.1004a5
		Chỉ ra được mối quan hệ tương tác giữa mỹ thuật và thiết kế nội thất	160111.1004b2
Chuyên đề 11.1	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian	Nhận biết được đặc điểm cấu trúc hình khối của tượng phật mằng	160111.1101a1
		Nêu được các bước tiến hành thực hiện bài vẽ tượng phật mằng	160111.1101b1
	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà	Nhận biết được đặc điểm cấu trúc hình khối của tượng phật mằng	160111.1102a1
		Nêu được các bước tiến hành thực hiện bài vẽ tượng phật mằng	160111.1102b1
	Vẽ nghiên cứu khối cơ bản bằng chất liệu chì.	Sắp xếp được bố cục trên khổ giấy	160111.1103a3
		Vận dụng được các bước vẽ khối cơ bản trong thực hành	160111.1103b3
		Thể hiện được cấu trúc, diễn tả khối trong không gian	160111.1103c3
	Trao đổi về hình hoạ: Tượng chân dung phật mằng	Phân tích được mối quan hệ giữa ánh sáng, hình và khối trong không gian	160111.1104a4
		Đánh giá được bố cục và diễn tả đậm nhạt, sáng tối, diện mảng,... ở sản phẩm	160111.1104b5
Chuyên đề 11.2		Nhận biết được đặc điểm của trang trí hình tròn	160111.1201a1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian	Lựa chọn được hoạ tiết, chất liệu để thực hành	160111.1201b3
	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà	Nhận biết được đặc điểm của trang trí hình tròn	160111.1202a1
		Lựa chọn được hoạ tiết, chất liệu để thực hành	160111.1202b3
	Trang trí hình tròn	Sử dụng được chất liệu màu bột hoặc màu nước, chất liệu tương đương để thực hành, sáng tạo	160111.1203a3
		Sắp xếp được hoạ tiết trong trang trí hình tròn dựa trên các yếu tố và nguyên lí tạo hình	160111.1203b3
		Tạo được hoà sắc trong trang trí hình tròn	160111.1203c6
	Trao đổi về trang trí hình tròn	Trao đổi, phân tích về vẻ đẹp của trang trí hình tròn	160111.1204a4
		Liên hệ được tính ứng dụng của trang trí hình tròn trong đời sống	160111.1204b3
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Trao đổi, phân tích về vẻ đẹp của trang trí hình tròn	160111.1205a4
		Liên hệ được tính ứng dụng của trang trí hình tròn trong đời sống	160111.1205b3
Chuyên đề 11.3	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian	Nhận biết được đặc điểm tranh bố cục nhân vật	160111.1301a1
		Lựa chọn được chủ đề, chất liệu để thực hành	160111.1301b3
	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà	Nhận biết được đặc điểm tranh bố cục nhân vật	160111.1302a1
		Lựa chọn được chủ đề, chất liệu để thực hành	160111.1302b3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Vẽ tranh bố cục nhân vật bằng chất liệu màu bột, màu nước hoặc chất liệu tương đương	Sử dụng được chất liệu màu bột, màu nước hoặc chất liệu tương đương để thực hành, sáng tạo	160111.1303a3
		Có khả năng xây dựng được bố cục hợp lí và sinh động	160111.1303b6
		Ứng dụng được cách phối màu, hoà sắc trong bố cục nhân vật	160111.1303c3
	Tranh bố cục phong cảnh	Trao đổi, phân tích về tranh bố cục nhân vật	160111.1304a4
		Thể hiện được quan điểm cá nhân trong đánh giá tranh bố cục nhân vật	160111.1304b3
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Trao đổi, phân tích về tranh bố cục nhân vật	160111.1305a4
		Thể hiện được quan điểm cá nhân trong đánh giá tranh bố cục nhân vật	160111.1305b3
	MĨ THUẬT 12		
Lí luận và lịch sử mỹ thuật	Giới thiệu và trưng bày sản phẩm, tác phẩm	Xác định được nội dung, hình thức trưng bày và giới thiệu sản phẩm, tác phẩm	160112.0101a2
		Nhận thức được vai trò của hoạt động tổ chức trưng bày và giới thiệu sản phẩm, tác phẩm	160112.0101b2
	Tổ chức triển lãm mỹ thuật trong lớp, trường	Xác định được không gian trưng bày sản phẩm	160112.0102a2
		Xây dựng và thực hiện được kế hoạch trưng bày, giới thiệu sản phẩm, tác phẩm	160112.0102b6
		Vận dụng được kiến thức mỹ thuật trong thuyết trình, giới thiệu sản phẩm, tác phẩm	160112.0102c3
		Đánh giá được hiệu quả thẩm mỹ của trưng bày sản phẩm, tác phẩm	160112.0103a5

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Đặc điểm triển lãm mỹ thuật	Nhận xét, đánh giá được kỹ năng thuyết trình trong giới thiệu sản phẩm, tác phẩm	160112.0103b5
	Triển lãm mỹ thuật thực hiện trong lớp, trường	Đánh giá được hiệu quả thẩm mỹ của trưng bày sản phẩm, tác phẩm	160112.0104a5
		Nhận xét, đánh giá được kỹ năng thuyết trình trong giới thiệu sản phẩm, tác phẩm	160112.0104b5
Hội họa	Tranh phong cảnh	Nhận biết được đặc điểm tranh chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương)	160112.0201a1
		Lựa chọn được chất liệu, thể loại tranh để thực hành, sáng tạo	160112.0201b3
	Tranh tĩnh vật	Nhận biết được đặc điểm tranh chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương)	160112.0202a1
		Lựa chọn được chất liệu, thể loại tranh để thực hành, sáng tạo	160112.0202b3
	Tranh chân dung	Nhận biết được đặc điểm tranh chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương)	160112.0203a1
		Lựa chọn được chất liệu, thể loại tranh để thực hành, sáng tạo	160112.0203b3
	Tranh sinh hoạt	Nhận biết được đặc điểm tranh chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương)	160112.0204a1
		Lựa chọn được chất liệu, thể loại tranh để thực hành, sáng tạo	160112.0204b3
	Chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương)	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện tranh bằng chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương)	160112.0205a6
		Biểu đạt được cảm xúc thông qua chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương)	160112.0205b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160112.0205c3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Đặc điểm tranh chất liệu màu bột (hoặc màu tương đương)	Phân tích, trao đổi, thảo luận, phản biện về sản phẩm, tác phẩm hội họa chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương)	160112.0206a4
		Nêu được quan điểm cá nhân trong trưng bày, đánh giá sản phẩm và thưởng thức tác phẩm hội họa giới thiệu trong chủ đề	160112.0206b1
	Thảo luận Sản phẩm thực hành của học sinh.	Phân tích, trao đổi, thảo luận, phản biện về sản phẩm, tác phẩm hội họa chất liệu màu bột (hoặc chất liệu tương đương)	160112.0207a4
		Nêu được quan điểm cá nhân trong trưng bày, đánh giá sản phẩm và thưởng thức tác phẩm hội họa giới thiệu trong chủ đề	160112.0207b1
Đồ họa (Tranh in)	Tranh phong cảnh	Nhận biết được đặc điểm tranh in nổi	160112.0301a1
		Lựa chọn chất liệu, thể loại tranh in để thực hành, sáng tạo	160112.0301b3
	Tranh tĩnh vật	Nhận biết được đặc điểm tranh in nổi	160112.0302a1
		Lựa chọn chất liệu, thể loại tranh in để thực hành, sáng tạo	160112.0302b3
	Tranh chân dung	Nhận biết được đặc điểm tranh in nổi	160112.0303a1
		Lựa chọn chất liệu, thể loại tranh in để thực hành, sáng tạo	160112.0303b3
	Tranh sinh hoạt	Nhận biết được đặc điểm tranh in nổi	160112.0304a1
		Lựa chọn chất liệu, thể loại tranh in để thực hành, sáng tạo	160112.0304b3
	Tranh in độc bản	Thực hiện được phác thảo, chế bản và in tranh	160112.0305a6
		Bước đầu biểu đạt được cảm xúc thông qua kỹ thuật chế bản, in tranh	160112.0305b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160112.0305c3
	Đặc điểm tranh in độc bản	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh in độc bản	160112.0306a4

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Phân biệt được một số đặc điểm giữa tranh in bản dập, tranh in nổi và tranh in độc bản	160112.0306b2
	Thảo luận Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh in độc bản	160112.0307a4
		Phân biệt được một số đặc điểm giữa tranh in bản dập, tranh in nổi và tranh in độc bản	160112.0307b2
Điều khắc	Sắp đặt, trưng bày sản phẩm điêu khắc	Biết lựa chọn đối tượng để thực hành, sáng tạo	160112.0401a3
		Hình thành được ý tưởng sắp đặt sản phẩm điêu khắc	160112.0401b6
	Thực hành sắp đặt sản phẩm điêu khắc bằng vật liệu sẵn có	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện sản phẩm sắp đặt	160112.0402a6
		Bước đầu biểu đạt được ý tưởng chủ đề thông qua sản phẩm sắp đặt	160112.0402b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160112.0402c3
		Sử dụng và phối hợp được các chất liệu, vật liệu sẵn có để thực hành, sáng tạo	160112.0402d3
	Ý tưởng, chủ đề thực hành sắp đặt	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm sắp đặt	160112.0403a4
		Nhận định được vai trò của thảo luận trong thực hành, sáng tạo và trưng bày sản phẩm	160112.0403b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm sắp đặt	160112.0404a4
		Nhận định được vai trò của thảo luận trong thực hành, sáng tạo và trưng bày sản phẩm	160112.0404b5
		Nhận biết được một số đặc điểm thiết kế tạo dáng công nghiệp	160112.0501a1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
Thiết kế công nghiệp	Thiết kế tạo dáng công nghiệp	Hiểu được mối quan hệ của thiết kế tạo dáng công nghiệp với đời sống	160112.0501b2
	Thiết kế đồ dùng sinh hoạt bằng vật liệu sẵn có	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế đồ dùng sinh hoạt bằng vật liệu sẵn có	160112.0502a6
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160112.0502b3
		Thể hiện được sự kết hợp giữa giá trị thẩm mỹ và tính ứng dụng ở sản phẩm	160112.0502c3
	Đặc điểm nghệ thuật thiết kế đồ dùng sinh hoạt	Phân tích được mối quan hệ giữa tính thẩm mỹ và tính ứng dụng ở sản phẩm	160112.0503a4
		Nhận định được tầm quan trọng của thiết kế tạo dáng công nghiệp với thực tiễn đời sống	160112.0503b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích được mối quan hệ giữa tính thẩm mỹ và tính ứng dụng ở sản phẩm	160112.0504a4
		Nhận định được tầm quan trọng của thiết kế tạo dáng công nghiệp với thực tiễn đời sống	160112.0504b5
Thiết kế đồ họa	Tranh áp phích	Nhận biết được đặc điểm thiết kế tranh áp phích	160112.0601a1
		Lựa chọn được chủ đề và thể loại thiết kế tranh áp phích để thực hành, sáng tạo	160112.0601b3
	Thiết kế áp phích đơn giản	Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện thiết kế áp phích	160112.0602a6
		Bước đầu biểu đạt được ý tưởng nội dung chủ đề thông qua tranh áp phích	160112.0602b3
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160112.0602c3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Đặc điểm thiết kế tranh áp phích	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh áp phích	160112.0603a4
		Nhận định được vai trò của tranh áp phích trong đời sống, văn hoá xã hội	160112.0603b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá tranh áp phích	160112.0604a4
		Nhận định được vai trò của tranh áp phích trong đời sống, văn hoá xã hội	160112.0604b5
Thiết kế thời trang	Thiết kế trang phục	Nhận biết được đặc điểm thiết kế trang phục	160112.0701a1
		Lựa chọn được vật liệu và thể loại trang phục để thực hành, sáng tạo	160112.0701b3
	Thiết kế trang phục đơn giản (vật liệu sẵn có)	Phác thảo và thực hiện được thiết kế trang phục đơn giản	160112.0702a6
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160112.0702b3
		Vận dụng và phối hợp được các vật liệu sẵn có trong thiết kế trang phục	160112.0702c3
	Đặc điểm nghệ thuật thiết kế thời trang	Phân tích, nhận định được tính sáng tạo và tính ứng dụng ở sản phẩm	160112.0703a5
		Bước đầu nhận định được vai trò của thị hiếu thẩm mĩ trong thiết kế thời trang	160112.0703b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, nhận định được tính sáng tạo và tính ứng dụng ở sản phẩm	160112.0704a5
		Bước đầu nhận định được vai trò của thị hiếu thẩm mĩ trong thiết kế thời trang	160112.0704b5
		Nhận biết được đặc điểm của thiết kế trang phục nghệ thuật	160112.0801a1

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Thiết kế trang phục nghệ thuật	Lựa chọn được chất liệu, thể loại trang phục nghệ thuật để thực hành thiết kế	160112.0801b3
	Thiết kế trang phục sân khấu, điện ảnh (vật liệu sẵn có)	Thực hiện được phác thảo, hoàn thiện mô hình hoặc bản vẽ đơn giản về trang phục nghệ thuật theo chủ đề lựa chọn	160112.0802a6
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	160112.0802b3
		Bước đầu thể hiện được mục đích và yêu cầu của thiết kế trang phục nghệ thuật	160112.0802c3
	Đặc điểm thiết kế trang phục sân khấu điện ảnh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thiết kế trang phục nghệ thuật	160112.0803a4
		Nhận định được vai trò của thiết kế trang phục nghệ thuật với một số loại hình nghệ thuật khác	160112.0803b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thiết kế trang phục nghệ thuật	160112.0804a4
		Nhận định được vai trò của thiết kế trang phục nghệ thuật với một số loại hình nghệ thuật khác	160112.0804b5
Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	Thiết kế mỹ thuật website	Nhận biết được đặc điểm, vai trò của thiết kế mỹ thuật website	160112.0901a1
		Xác định được chủ đề và lựa chọn công cụ, phương tiện để thực hành, sáng tạo	160112.0901b2
	Tập thiết kế mỹ thuật giao diện website mức độ đơn giản	Thực hiện được thao tác với phương tiện sẵn có để thiết kế mỹ thuật website	160112.0902a3
		Phác thảo được các phân trang giao diện trên giấy	160112.0902b6
		Thể hiện được ý tưởng nội dung chủ đề trong thực hành, sáng tạo	160112.0902c3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lí tạo hình trong thiết kế mỹ thuật website	160112.0902d3
	Đặc điểm thiết kế mỹ thuật website	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình thực hiện, đánh giá sản phẩm	160112.0903a4
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình thực hiện, đánh giá sản phẩm	160112.0904a4
Kiến trúc	Bảo tồn di sản kiến trúc	Nhận biết được đặc điểm bảo tồn di sản kiến trúc	160112.1001a1
		Lựa chọn được công trình, di sản kiến trúc cần bảo tồn để thực hành	160112.1001b3
	Mô phỏng công trình, di sản kiến trúc (bản vẽ, bản dập chi tiết kiến trúc hoặc mô hình)	Sử dụng được một số kĩ năng tạo hình để mô phỏng công trình, di sản kiến trúc	160112.1002a3
		Sử dụng, phối hợp được các vật liệu sẵn có (bìa, giấy, nan tre, gỗ, xốp,...) để thực hành, sáng tạo	160112.1002b3
		Bước đầu thể hiện được yếu tố thẩm mỹ của công trình, di sản kiến trúc thông qua sản phẩm	160112.1002c3
	Đặc điểm bảo tồn di sản kiến trúc	Phân tích, thảo luận về giá trị thẩm mỹ và công năng của công trình, di sản kiến trúc trong trưng bày, đánh giá	160112.1003a4
		Nhận định được vai trò của bảo tồn di sản kiến trúc trong giáo dục thẩm mỹ và phát triển nghệ thuật truyền thống	160112.1003b5
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Phân tích, thảo luận về giá trị thẩm mỹ và công năng của công trình, di sản kiến trúc trong trưng bày, đánh giá	160112.1004a4
		Nhận định được vai trò của bảo tồn di sản kiến trúc trong giáo dục thẩm mỹ và phát triển nghệ thuật truyền thống	160112.1004b5
Chuyên đề 12.1		Hiểu được đặc điểm, cấu trúc cơ bản của tượng chân dung	160112.1101a2

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian	Xác định nguồn sáng và vị trí quan sát mẫu để thực hành	160112.1101b2
	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà	Hiểu được đặc điểm, cấu trúc cơ bản của tượng chân dung	160112.1102a2
		Xác định nguồn sáng và vị trí quan sát mẫu để thực hành	160112.1102b2
	Vẽ nghiên cứu tượng chân dung bằng chất liệu chì hoặc than	Tiến hành được các bước thực hiện bài vẽ tượng chân dung	160112.1103a3
		Sắp xếp được bố cục trên khổ giấy	160112.1103b3
		Thể hiện được cấu trúc, diễn tả khối trong không gian bằng chất liệu chì hoặc than	160112.1103c3
	Trao đổi về hình hoạ: Tượng chân dung	Phân tích được mối quan hệ giữa ánh sáng, hình và khối trong không gian	160112.1104a4
		Đánh giá được bố cục, hình, khối, không gian ở sản phẩm	160112.1104b5
Chuyên đề 12.2	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian	Nhận biết được đặc điểm của trang trí đường diềm	160112.1201a1
		Lựa chọn được hoạ tiết, chất liệu để thực hành	160112.1201b3
	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà	Nhận biết được đặc điểm của trang trí đường diềm	160112.1202a1
		Lựa chọn được hoạ tiết, chất liệu để thực hành	160112.1202b3
	Trang trí đường diềm	Sử dụng được chất liệu màu bột hoặc màu nước, chất liệu tương đương để thực hành, sáng tạo	160112.1203a3
		Sắp xếp được các hoạ tiết trong trang trí đường diềm dựa trên các yếu tố và nguyên lý tạo hình	160112.1203b3

ĐVKT1	ĐVKT2	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	MÃ ĐỊNH DANH
		Tạo được hoà sắc trong trang trí đường diềm	160112.1203c6
	Trao đổi về trang trí đường diềm	Trao đổi, phân tích về vẻ đẹp của trang trí đường diềm	160112.1204a4
		Liên hệ được tính ứng dụng của trang trí đường diềm trong đời sống	160112.1204b3
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Trao đổi, phân tích về vẻ đẹp của trang trí đường diềm	160112.1205a4
		Liên hệ được tính ứng dụng của trang trí đường diềm trong đời sống	160112.1205b3
Chuyên đề 12.3	Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian	Nhận biết được đặc điểm tranh bố cục từ những hình khối cơ bản	160112.1301a1
		Lựa chọn được chủ đề, chất liệu để thực hành	160112.1301b3
	Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ	Nhận biết được đặc điểm tranh bố cục từ những hình khối cơ bản	160112.1302a1
		Lựa chọn được chủ đề, chất liệu để thực hành	160112.1302b3
	Vẽ tranh bố cục từ những hình khối cơ bản bằng chất liệu màu bột (hoặc màu nước, hoặc chất liệu tương đương)	Sử dụng được chất liệu màu bột (hoặc màu nước, hoặc chất liệu tương đương) để thực hành, sáng tạo	160112.1303a3
		Bước đầu thể hiện được ý tưởng chủ đề thông qua sắp xếp hình khối ở tranh bố cục	160112.1303b3
		Thể hiện được hoà sắc cho tranh bố cục bằng chất liệu màu bột (hoặc màu nước, hoặc chất liệu tương đương)	160112.1303c3
		Bước đầu thể hiện được đặc điểm của chất liệu màu bột (hoặc màu nước, chất liệu tương đương) trong thực hành, sáng tạo	160112.1303d3
	Tranh bố cục phong cảnh	Trao đổi, phân tích về tranh bố cục từ những hình khối cơ bản	160112.1304a4
	Sản phẩm thực hành của học sinh	Trao đổi, phân tích về tranh bố cục từ những hình khối cơ bản	160112.1305a4